

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2021/DS-ST**
Ngày: 17 tháng 6 năm 2021
V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Vũ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hà Ngọc Lĩnh

Bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/ TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 Về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (NHCSXHVN).**

Địa chỉ: Số 169, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - TGD NHCSXHVN.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Dương Anh T** - Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện T, tỉnh Phú Thọ (văn bản ủy quyền: Quyết định số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 tháng 11 năm 2016).

+ Bị đơn: Anh **Nguyễn Công X**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Chị **Đàm Thị Thúy H** (tức Đàm Thị H), sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 7, xã Đ, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền trình bày:**

Căn cứ danh sách hộ vay vốn hộ nghèo ngày 30/05/2011 của Chủ tịch UBND xã Đ phê duyệt. Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T đã giải ngân cho ông Nguyễn Công X vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu đồng) cho vay tín chấp không có bảo đảm bằng tài sản tiền vay (cho vay ủy thác qua Hội cựu nông dân xã Đ) theo sổ vay vốn mã khách hàng số 1100034937, lãi suất 0.65%/tháng, thời hạn cho vay 36 tháng, thời hạn trả nợ ngày 09/06/2014. Đến thời hạn trả nợ ông Nguyễn Công X chưa trả được nợ. Căn cứ vào đơn xin gia hạn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH Thanh Ba đã kéo dài thời hạn trả nợ thêm 18 tháng đến ngày 09/12/2015. Tuy nhiên đã đến hạn trả gốc, lãi và được gia hạn nhiều lần nhưng ông Nguyễn Công X

vẫn không trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng CSXH huyện Thanh Ba mặc dù đã được UBND xã, Hội đoàn thể nhận ủy thác, Tổ trưởng tổ TK&VV và cán bộ Ngân hàng đơn đốc trả nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Công X và bà Đàm Thị Thúy H vẫn chưa trả nợ. Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Công X và người nhận thừa kế là chị Đàm Thị Thúy H có trách nhiệm trả nợ.

*** Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:**

“Tôi và chị Đàm Thị Thúy H đăng ký kết hôn với nhau khoảng năm 2000, đến ngày 15/10/2013 chúng tôi được Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 71/2013/HNGĐ-ST. Theo đó Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và việc nuôi con chung, không đặt ra giải quyết về tài sản chung, nợ chung của chúng tôi.

Trong thời kỳ hôn nhân, tôi có vay nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thanh Ba số tiền 20.000.000đ vào ngày 30/5/2011 theo sổ vay vốn mã khách hàng 1100034937, lãi suất 0,65%/ tháng, thời hạn vay 36 tháng, phân kỳ trả nợ 12 tháng/lần, mỗi lần 7.000.000đ, thời hạn phải trả nợ cuối cùng vào ngày 09/6/2014. Khi đó chị Đàm Thị Thúy H là người thừa kế khoản vay. Mục đích vay vốn: Trồng và chăm sóc keo. Chúng tôi chưa trả được khoản nào tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Đến nay, do điều kiện khó khăn, tôi không có khả năng trả tiền lãi, chỉ có khả năng trả dần tiền gốc mỗi tháng 500.000đ, đề nghị Ngân hàng xem xét”.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án không có lời trình bày**

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết, Thẩm phán. Thư ký được phân công làm đúng theo trình tự từ khi thụ lý vụ án đến thu thập các chứng cứ, đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Đề nghị: Buộc anh Nguyễn Công X phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền theo sổ vay vốn mã khách hàng số 1100034937 ngày 30/05/2011, tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2021 là **33.131.492 đồng** (bao gồm: Tiền gốc là 20.000.000 đồng; tiền lãi là 13.131.492 đồng). Miễn án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Kể từ khai thụ lý vụ án Tòa án có gửi Thông báo thụ lý và Giấy triệu tập cho chị Đàm Thị Thúy H đương sự qua đường bưu điện và qua UBND xã Đại An nhưng chị H không đến để tham gia giải quyết vụ án cũng như bảo vệ quyền lợi của mình.

Căn cứ Công văn của Công an xã Đại An thì chị Đàm Thị Thúy H vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự “3. Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”. Chị Đàm Thị Thúy H không thực hiện

quy định trên vì vậy Toà án niêm yết thủ tục để đưa vụ án ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó nguyên đơn từ chối hoà giải, vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1. 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự Toà án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay chị Đàm Thị Thúy H, anh Nguyễn Công X vắng mặt lần 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ hồ sơ do nguyên đơn cung cấp và bị đơn xác nhận thì: Ngày 30/05/2011 vợ chồng anh Nguyễn Công X và chị Đàm Thị Thúy H đã ký kết Hợp đồng theo sổ vay vốn mã khách hàng số 1100034937 để vay tiền của NHCSXHVN - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Ba. Mục đích vay trồng keo phát triển kinh tế gia đình.

Mặc dù trên sổ hợp đồng vay vốn anh Nguyễn Công X ký kết với tư cách là người vay, chị Đàm Thị Thúy H ký kết với tư cách là người thừa kế. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/4/2021 anh Nguyễn Công X xác định khoản vay trên để sử dụng chung cho phát triển kinh tế gia đình. Chị Đàm Thị Thúy H vắng mặt không đưa ra quan điểm, chứng cứ chứng minh nên phải chịu trách nhiệm về hậu quả pháp lý. Do vậy cần xác định nghĩa vụ chung theo quy định tại khoản 1.2.3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hiện anh Nguyễn Công X và chị Đàm Thị Thúy H đã ly hôn, khi ly hôn hai bên không giải quyết về tài sản cũng như phân chia nghĩa vụ trả nợ. Do vậy cần buộc anh Nguyễn Công X và chị Đàm Thị Thúy H cùng có nghĩa vụ trả nợ theo kỷ phần.

Yêu cầu của anh Nguyễn Công X đề nghị thanh toán mỗi tháng 500.000 đồng không được đại diện của nguyên đơn chấp nhận, vì vậy không có cơ sở xem xét theo yêu cầu của bị đơn do các bên phải thực hiện theo hợp đồng.

[3] Về án phí: Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là hộ nghèo nên miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, các Điều 35; 147; Khoản 2 Điều 227 BLTTDS 2015; Điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Áp dụng: Điều 305; 471; 473; 474; 476 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Khoản 1.2.3 Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình 2015;

Buộc anh Nguyễn Công X và chị Đàm Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền theo sổ vay vốn mã khách hàng số 1100034937 ngày 30/05/2011, tính đến ngày 17 tháng 6 năm 2021 là **33.131.492 đồng** (bao gồm: Tiền gốc là 20.000.000 đồng; tiền lãi là 13.131.492 đồng).

Kỷ phần: Anh Nguyễn Công X 16.565.746 đồng (mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng), chị Đàm Thị Thúy H 16.565.746 đồng (mười sáu triệu, năm trăm sáu mươi lăm ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 18/6/2021 cho đến khi án có hiệu lực pháp luật anh Nguyễn Công X và chị Đàm Thị Thúy H tiếp tục phải chịu lãi suất đối với số tiền gốc chưa thanh toán với lãi suất theo hợp đồng.

Đối với khoản tiền thi hành án, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu mà người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Miễn án phí dân sự cho nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

Đại diện của nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Vũ